

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1195 /QĐ-UBND

Kbang, ngày 26 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết sản xuất Nông, Lâm, thủy sản
xã Nghĩa An giai đoạn 2012- 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT - BNNPTNT ngày 26/2/2009 của Bộ NN & PTNT “V/v Hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới”;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của UBND tỉnh Gia Lai “Về việc phê duyệt Quy hoạch trồng trọt gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của UBND tỉnh Gia Lai “Phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai”; Kế hoạch số 3680/KH-UBND ngày 14/11/2011 của UBND tỉnh Gia Lai “V/v triển khai thực hiện Chỉ thị số 1685/CT-TTg, ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ”;

Căn cứ Quyết định số 1549 /QĐ-UBND ngày 31/12/2011 của UBND huyện “Về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nuôi trồng thuỷ sản kết hợp với xây dựng đê án nuôi trồng và chế biến thuỷ sản trên địa bàn huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2012- 2016 và đến năm 2020”

Căn cứ Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND huyện “về việc phê duyệt Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010-2020”;

Xét Báo cáo thẩm định số 92/BC- TĐ , ngày 23/12/2013 của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện báo cáo thẩm định Dự án Quy hoạch chi tiết Nông, lâm , thủy sản xã Nghĩa An giai đoạn 2012 - 2020 và Tờ trình số 33 /TTr - UBND ngày 24/6/2013 của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch sản xuất nông, lâm thủy sản xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2012 - 2020, với nội dung như sau:

1- Tên quy hoạch: Quy hoạch sản xuất nông, lâm thủy sản xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2012 - 2020;

2- Chủ đầu tư : Ủy Ban nhân dân huyện Kbang;

3- Đơn vị thực hiện: UBND xã Nghĩa An và Tổ công tác thành lập theo Quyết định số: 650/QĐ- UBND ngày 13/7/2012 v/v thành lập tổ công tác xây dựng quy hoạch phát triển sản xuất nông – lâm – thủy sản các xã giai đoạn 2012- 2015 và đến năm 2020.

4- Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 - 2020

5- Quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu:

5.1. Quan điểm:

- Quy hoạch sản xuất nông - lâm - thủy sản phải phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của huyện, sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng và lợi thế so sánh vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Lấy sản xuất Nông - Lâm nghiệp làm ngành sản xuất chính để làm cơ sở bền vững ổn định kinh tế - xã hội, đồng thời phát triển tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến nhỏ và ngành nghề nông thôn.

- Phát triển kinh tế phải đảm bảo sự hài hòa giữa các khu vực, các ngành. Trọng tâm quy hoạch lần này là rà soát, bố trí lại sản xuất xây dựng các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao, nhằm tạo ra bước đột phá mới, đồng thời đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho phát triển nông thôn toàn diện. Trong đó trọng điểm là đầu tư về giao thông nội đồng, thủy lợi, làng nghề và phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng mở. Chú trọng đầu tư theo chiều sâu. Các ngành công nghiệp nhỏ, dịch vụ có lợi thế để phát triển kinh tế một cách toàn diện (*chế biến nông, lâm sản, thương mại, dịch vụ tổng hợp...*).

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực để đủ sức đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế. Đặc biệt ưu tiên đội ngũ lao động phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn xã bao gồm tăng trưởng kinh tế đi đôi với ổn định chính trị, công bằng xã hội và bền vững về môi trường.

5.2. Mục tiêu phát triển:

a. Mục tiêu tổng quát:

- Tạo sự chuyển biến nhanh về đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là người nghèo, đảm bảo đến năm 2020 ngang bằng các xã đạt khá trong toàn tỉnh .

- Phát triển nông nghiệp toàn diện với nhiều loại sản phẩm có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường và đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Nâng cao lợi nhuận trên một đơn vị diện tích, một đơn vị sản phẩm để không ngừng nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho các hộ gia đình trong diện nghèo.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa, dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ vững chắc.

b. Mục tiêu cụ thể: Tổng sản lượng lương thực duy trì từ 3.000 – 3.800 tấn, giai đoạn 2012-2015 và ổn định trong khoảng 4.000 – 4.500 tấn giai đoạn 2016 - 2020; Bình quân lương thực /người/ năm đạt 936 kg vào năm 2015 và khoảng 953 kg vào năm 2020.

- Độ che phủ của rừng và cây lâu năm đạt 30 % năm 2015 và 35 % năm 2020.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân 35-40 triệu đồng/ ha năm 2015 và 45-50 triệu đồng/ ha năm 2020; từng bước mở rộng quy mô, những mô hình đạt giá trị 50 triệu đồng/ ha.

- Thu nhập bình quân người/năm khu vực nông thôn đạt 23 triệu đồng vào năm 2014 và đạt 40 triệu đồng vào năm 2020.
- Tăng hệ số sử dụng đất lên khoảng 1,2 lần năm 2015 và ổn định 1,3 lần năm 2020.
- Giải quyết công ăn việc làm cho lao động chưa có việc làm đến năm 2020: 500 lao động.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt dưới 18 % vào năm 2015, đến năm 2020 không còn hộ nghèo.

6. Một số nhiệm vụ chính của quy hoạch:

6.1. Quy hoạch phát triển sản xuất ngành trồng trọt.

a. Quy hoạch phát triển sản xuất cây lương thực (lúa , ngô):

- Đến năm 2015, diện tích lúa cả năm là 163,8ha, sản lượng là 858 tấn; năm 2020, diện tích ổn định 163,8 ha, sản lượng là 931,9 tấn; sản xuất trên địa bàn toàn xã, tập trung đầu tư thâm canh cao vào một số vùng thôn 1, thôn 3, thôn 4 và làng Lợt.

- Đến năm 2015, diện tích ngô cả năm là 600 ha, sản lượng 3.000 tấn; năm 2020, diện tích ngô là 600 ha, sản lượng 3.600 tấn; sản xuất trên địa bàn toàn xã, tập trung phát triển tại các vùng thôn 1, thôn 5, làng Lợt, làng Quao.

b. Quy hoạch phát triển sản xuất cây tinh bột (sắn):

- Đến năm 2015, diện tích sắn là 400 ha, sản lượng 6.800 tấn; năm 2020, diện tích sắn là 300 ha, sản lượng 5.700 tấn; sản xuất trên địa bàn toàn xã, tập trung phát triển tại các vùng thôn 1, thôn 2 và làng Lợt.

c. Quy hoạch phát triển sản xuất cây rau đậu thực phẩm:

- Đến năm 2015, diện tích rau cả năm là 145,4 ha, sản lượng 2.399,1 tấn; năm 2020, diện tích là 151,8 ha, sản lượng 2.732,4 tấn; vùng sản xuất tập trung khu giáp sông ba.

Đến năm 2015, diện tích đậu các loại cả năm là 200 ha, sản lượng 260 tấn; năm 2020, diện tích là 200 ha, sản lượng 300 tấn; vùng sản xuất tập trung khu giáp sông ba.

Trong sản xuất rau, thực phẩm cần được chú trọng phát triển cây ớt, dưa , bí, đậu đỗ.

d. Quy hoạch phát triển sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày (mía):

- Đến năm 2015, diện tích mía là 1.000 ha, sản lượng 60.000 tấn; năm 2020, diện tích 1.000ha, sản lượng 80.000 tấn; vùng sản xuất tập trung tại các thôn 1, thôn 2 và thôn 4.

e. Quy hoạch phát triển sản xuất cây công nghiệp dài ngày :

- **Cây cà phê:** Đến năm 2015 diện tích 130 ha, sản lượng 260 tấn và đến năm 2020 diện tích ổn định 150 ha, sản lượng 300 tấn; vùng sản xuất tập trung tại thôn 1, thôn 2 .

- **Cây cao su:** Đến năm 2015 diện tích 80 ha và đến năm 2020 diện tích ổn định 155 ha, sản lượng 300 tấn; vùng sản xuất tập trung tại khu sản xuất tiểu khu 152.

g. Quy hoạch phát triển sản xuất cây lâu năm khác:

- **cây keo lai:** Đến năm 2015 diện tích 115,21 ha và đến năm 2020 diện tích ổn định 530,5 ha, khối lượng 42.000 mét khối; vùng sản xuất tập trung tại khu sườn có độ dốc $>15^{\circ}$ dọc từ thôn 1 đến thôn 5 và 2 làng.

6.2. Quy hoạch phát triển sản xuất ngành chăn nuôi.

a. Phương hướng phát triển: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại, gia trại; dần tiến tới bán công nghiệp; tập trung vào phát triển chăn nuôi đàn trâu, bò, dê, lợn, gia cầm.

b. Dự kiến quy mô phát triển sản xuất:

- Đàn trâu, đến 2015 dự kiến là 35 con, năm 2020 là 50 con; vùng chăn nuôi tập trung ở các thôn.
- Đàn bò, đến 2015 dự kiến là 1.200 con; năm 2020 là 1.800 con; vùng chăn nuôi tập trung các thôn.
- Đàn lợn, đến năm 2015 là 1.500 con, năm 2020 là 2.500 con; vùng chăn nuôi tập trung các thôn.
- Đàn Dê, đến năm 2015 là 300 con, năm 2020 là 400 con; vùng chăn nuôi tập trung ở các thôn, làng.
- Gia cầm, đến năm 2015 là 15.000 con, năm 2020 là 20.000 con; vùng chăn nuôi tập trung các thôn, làng.

6.3. Quy hoạch phát triển sản xuất nuôi trồng thủy sản:

- Mục tiêu: phấn đấu mức tăng trưởng ngành nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2012 - 2020 đạt 9-10%/năm;

* **Nội dung quy hoạch phát triển thuỷ sản:**

- Quy hoạch nuôi cá thương phẩm:

+ Nuôi cá ao, hồ nhỏ gia đình: Khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho người dân đào thêm ao nuôi và tận dụng diện tích mặt nước để nuôi trồng thuỷ sản dự kiến qui mô đến năm 2015 diện tích nuôi trồng 1,5 ha, sản lượng 3,5 tấn; năm 2020 diện tích nuôi trồng 26 ha, sản lượng 65 tấn.

+ Các loại cá nuôi như Trắm cỏ, rô phi lai, cá điêu hồng, cá bống...

- Các vùng nuôi trồng tập trung tại các thôn.

6.4. Quy hoạch phát triển sản xuất lâm nghiệp:

- Mục tiêu: Phát triển lâm nghiệp một cách bền vững trên cơ sở phát triển đồng bộ và tổ chức quản lý bảo vệ rừng, đưa lâm nghiệp trở thành ngành có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế trên địa bàn góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường.

- Nhiệm vụ:

Phối hợp chủ rừng tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng theo Quyết định 07/ QĐ-UBND ngày 8/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ Đến năm 2015 diện tích rừng là 580,5 ha rừng sản xuất, rừng đặc dụng 258,6 ha; độ che phủ rừng và cây lâu năm 30%. Đến năm 2020: diện tích ổn định 76,7 ha rừng sản xuất rừng đặc dụng 181,9 ha; độ che phủ rừng và cây lâu năm 35%.

- Quy hoạch phát triển rừng:

+ Phát triển theo quy hoạch 03 loại rừng: Đặc dụng; phòng hộ; sản xuất của tỉnh đã phê duyệt.

6.5. Phát triển kết cấu hạ tầng :

- Mục tiêu: Tập trung, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng nhằm đáp ứng được cơ bản nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

- Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn đến 2020 ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tập trung đầu tư vào các lĩnh vực sau đây:

6.5.1. Phát triển hệ thống cơ sở dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp:

Khuyến khích đầu tư nâng cấp, mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống cơ sở, cửa hàng , đại lý dịch vụ kỹ thuật nông, lâm nghiệp, thuỷ sản trên địa bàn, cơ sở chế biến nông lâm thuỷ sản và cơ sở phòng trừ dịch bệnh cho nông, lâm nghiệp – chăn nuôi; có chính sách hỗ trợ

khuyến khích thành lập Tổ hợp tác, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, quảng bá, xây dựng thương hiệu, nhãn mác sản phẩm, dần hình thành hệ thống tiêu thụ, bao tiêu sản phẩm nông, lâm sản và thuỷ sản cho nông dân.

6.5.2. Phát triển hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư:

Trên cơ sở hệ thống khuyến nông, lâm, ngư cơ sở và hệ thống thú y viên cơ sở đã được thiết lập từ huyện đến xã, thôn, làng đang hoạt động có hiệu quả; tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất, nguồn lực nâng cao chất lượng đội ngũ thú y viên, khuyến nông, lâm và thuỷ sản cơ sở nhằm ngày một nâng cao hiệu quả hoạt động phục vụ đắc lực trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

6.5.3. Phát triển thủy lợi:

Trong giai đoạn 2012-2015, có kế hoạch đào ao tích nước chống hạn 8-10 ao, vốn 300 triệu đồng; 2016-2020 cần tập trung, huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng Trạm bơm Sông Ba cơ bản đáp ứng được nhu cầu về nước tưới, sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn. Tổng nhu cầu vốn đầu tư là 15.300 triệu đồng.

6.5.4. Phát triển hệ thống giao thông nội đồng: Tiếp tục đầu tư các hệ thống đường giao thông nội đồng, đường đi các khu sản xuất có chiều dài 25,5 km, vốn 7.650 triệu đồng, giai đoạn 2012-2015: 11,4 km, vốn 3.420 triệu đồng; giai đoạn 2016-2020: 14,1 km, vốn 4.230 triệu đồng, đảm bảo đến năm 2020 có đường thuận lợi để vận chuyển nông sản thông suốt 2 mùa mưa, nắng.

6.6. Nhu cầu vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp trong cả giai đoạn 2012-2020 là 58.359,8 triệu đồng (trong đó giai đoạn 2012-2015 là 20.418,8 triệu đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 37.941 triệu đồng). Trong đó:

6.6.1. Vốn đầu tư cho sản xuất nông, lâm nghiệp – thủy sản trong cả thời kỳ 2012-2020 là 34.059,8 triệu đồng (trong đó giai đoạn 2012-2015 là 16.023,8 triệu đồng, giai đoạn 2016-2020 là 18.036 triệu đồng).

6.6.2. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trong cả thời kỳ 2012-2020 là 22.950 triệu đồng (trong đó giai đoạn 2012-2015 là 3.720 triệu đồng, giai đoạn 2016-2020 là 19.230 triệu đồng).

6.6.3. Vốn đầu tư cho hỗ trợ các lĩnh vực và đào tạo nông dân trong cả thời kỳ 2012-2020 là 1.350 đồng (trong đó giai đoạn 2012 -2015 là 675 triệu đồng, giai đoạn 2016-2020 là 675 triệu đồng).

6.7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

a. Tiêu chí lựa chọn dự án:

- Đầu tư phát triển là động lực để phát triển, cần xác định toàn diện các lĩnh vực đầu tư, các dự án trọng tâm để tạo các bước đột phá, các giá trị gia tăng mới thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp bền vững.

- Trên cơ sở các định hướng và giải pháp phát triển nông – lâm nghiệp, thủy sản và hạ tầng nông thôn đến năm 2020 đã được phân tích ở trên, xác định các lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất.

b. Danh mục các dự án: (Chi tiết trong Quy hoạch).

7. Giải pháp thực hiện:

7.1. Tiếp tục huy động và phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông, lâm nghiệp và thủy sản và dịch vụ ở nông thôn.

7.2. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, gắn với phát triển bền vững.

7.3. Tạo bước chuyển biến mạnh, nâng cao nhanh đời sống vật chất tinh thần, bảo đảm quyền lợi của cư dân nông thôn, nhất là của nông dân.

7.4. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn.

7.5. Tạo sự chuyển biến mạnh trong đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH nông thôn và xây dựng nền nông nghiệp hiện đại.

7.6. Phát triển nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng khoa học công nghệ.

7.7. Đổi mới mạnh mẽ các cơ chế chính sách để huy động các nguồn lực đầu tư phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nông dân.

7.8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị ở nông thôn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- UBND huyện chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy hoạch.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện phối hợp với các Phòng, Ban liên quan, các Tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn xã thực hiện Quy hoạch sản xuất nông, lâm, thủy sản xã Nghĩa An giai đoạn 2012- 2020.

- Phòng Tài chính – KH huyện phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối và bố trí vốn, tính toán các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Quy hoạch đã được duyệt.

- Các Phòng, ban, ngành khác có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của Quy hoạch này liên quan đến ngành mình theo quy định của pháp luật.

- UBND xã Nghĩa An trên cơ sở Quy hoạch sản xuất nông, lâm thủy sản của xã giai đoạn 2012- 2020, xây dựng kế hoạch, quy hoạch sản xuất cụ thể cho các thôn, làng, cho từng vùng đất, đồng đất trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch chi tiết xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng kế hoạch chi tiết về công tác xóa đói giảm nghèo và các chương trình giúp người nông dân nói riêng và cộng đồng dân cư nông thôn nói chung ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính -Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng; Chủ tịch UBND xã Nghĩa An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT UBND huyện;
- Lưu VT, VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Trần Vĩnh Hương